

## VÀI ĐẶC ĐIỂM KIẾN TRÚC TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG TRUYỀN THỐNG HUẾ

PHAN THUẬN AN<sup>(\*)</sup>

Do bối cảnh lịch sử và văn hoá đặc thù của vùng Huế, sinh hoạt tâm linh ở đây đã và đang giữ một vai trò quan trọng trong cuộc sống của đa số nhân dân. Sinh hoạt ấy thường lắng sâu trong tâm thức của mỗi người, chan hoà vào từng động thái hàng ngày của họ trong gia đình và ngoài xã hội. Nó thường tĩnh tại và êm đềm như mặt nước sông Hương.

Tuy nhiên, một trong những biểu hiện cụ thể của đời sống tâm linh địa phương là các công trình kiến trúc tôn giáo và tín ngưỡng.

Trong bài viết này, chúng tôi không đi sâu vào việc mô tả các công trình kiến trúc, mà chỉ thử nêu lên một số đặc điểm của chúng.

*1. Không ít công trình kiến trúc tôn giáo tín ngưỡng của người Chăm đã được Việt hoá trong quá trình nam tiến của dân tộc.*

a) *Một số tháp Chăm đã trở thành những địa điểm xây chùa thờ Phật, chẳng hạn như đồi Hà Khê ở bờ bắc sông Hương, hoặc núi Linh Thái ở gần cửa biển Tư Hiền.*

Theo cổ học giả Trần Văn Giáp và kiến trúc sư Nguyễn Bá Lăng, chùa Thiên Mụ trên đồi Hà Khê là "nơi mà thuở xưa người Chăm cũng đã từng xây cất những công trình kiến trúc có thể là một toà đền, ngôi tháp, nhưng khi người Việt đến định cư ở đây thì di tích chỉ còn là những đồng gạch vụn và một ngôi chùa đã được dựng lên để thay thế"<sup>(1)</sup>.

Theo Quốc sử quán Triều Nguyễn, trên đỉnh núi Linh Thái còn được gọi là núi Rùa

(Quy Sơn), nguyên xưa kia đã từng có cái tháp cổ, tương truyền là do người Chăm xây dựng, nhưng đến thời các chúa Nguyễn thì đã đổ nát, ngoại trừ trụ biểu ở trước tháp là còn và thấy có khắc chữ Mán (Man tự), không ai hiểu được. Một vị chúa Nguyễn cho xây sau vị trí cũ của tháp một ngôi chùa và đặt tên là chùa Trấn Hải. Đến thời Minh Mạng (1820 - 1840), ngôi chùa đã bị hư hỏng, nhưng nền móng của nó vẫn còn<sup>(2)</sup>

b) *Một số kiến trúc thờ phụng của người Chăm đã trở thành đền miếu của người Việt, chẳng hạn như đền Thai Dương Phu Nhân ở gần cửa biển Thuận An, đền Kỳ Thạch Phu Nhân ở làng Thanh Phước, đền Sơn Thần Ngọc Trản ở làng Hải Cát.*

Khi viết sách *Ô châu cận lục* vào năm 1555, tác giả Dương Văn An cho biết rằng tục truyền vị nữ thần được thờ ở đền Thai Dương là "người nước Chiêm" (Chiêm quốc nhân). Câu chuyện mang tính dã sử và huyền thoại được tác giả ghi chép khá dài, mà đoạn kết nói Bà rất linh thiêng. Bà còn

\*. Nhà nghiên cứu, Trung tâm Bảo tồn di tích cố đô Huế.

1. Nguyễn Bá Lăng. *Chùa xưa tích cũ*. Nxb Lá Bối, San Jose, USA, 1988. tr.203.

2. *Đại Nam nhất thống chí* (thời Tự Đức), bản dịch của Viện Sử học. Nxb KHXH, Hà Nội, 1959, Tập I, tr.115. Xem thêm: *Đại Nam nhất thống chí* (thời Duy Tân), nguyên bản chữ Hán, quyển nhị, tờ 24b; bản dịch của Nguyễn Tạo, Nha Văn hóa, Bộ Quốc gia Giáo dục xb, Sài Gòn, 1961, tr.52.

được gọi là Bà Dương<sup>(3)</sup>. Cư dân người Việt tại địa phương xưa nay chỉ quen gọi là Bà Dàng. Di tích của đền thờ Thai Dương Phu Nhân được xây dựng một cách quy mô dưới thời các vua chúa nhà Nguyễn, hiện nay vẫn còn tại chỗ, dù đã bị hư hỏng nặng nề.

Về đền thờ Kỳ Thạch Phu Nhân ở làng Thanh Phước, sử sách không cho biết quy mô kiến trúc như thế nào, chỉ nói rằng khi người Việt vào định cư ở đây thì dựng đền tranh để thờ. Họ thờ hai pho tượng Chàm bằng đá do một số ngư dân trong làng vớt được từ dưới đáy sông lên. Mỗi pho tượng "lớn bằng chiếc chiếu, sắc xanh hơi trắng, mặt đá chạm hình thân người mặt thú, 20 cái tay, 4 cái chân". Nghe ngư phủ địa phương đồn rằng tượng thân ở đây rất linh ứng, một vị chúa Nguyễn phong là "Kỳ Thạch Phu Nhân chi thân"<sup>(4)</sup>. Mãi đến ngày nay vẫn còn một trong hai pho tượng ấy tại chỗ.

Riêng Ngọc Trần Sơn Thần Từ thì đã được các vua chúa nhà Nguyễn quan tâm tu bổ, mở mang, rồi sau đó được giữ gìn chu đáo, bảo tồn nguyên vẹn cho đến ngày nay. Tại đây, từ thời xa xưa, người Chàm đã thờ nữ thần Pô Nagar của họ. Nhưng, từ thế kỉ XIV trở đi, vị nữ thần này đã được Việt hoá thành ra Thánh Mẫu Thiên Y A Na. Bà là thiên thần được tôn sùng nhất trong đạo Thiên Tiên Thánh giáo, một biến thiên của Đạo giáo phổ biến nhất chẳng những ở Huế mà còn ở một số tỉnh miền Trung<sup>(5)</sup>. Ngôi đền linh ứng đến nỗi Vua Đồng Khánh tự hạ mình làm đồ đệ của Mẫu và đổi tên thành điện Huệ Nam<sup>(6)</sup>. Nhưng, nó thường được dân chúng địa phương xưa nay gọi là điện Hòn Chén.

2. *Đã có sự dung hội giữa một số tôn giáo và tín ngưỡng truyền thống vào đời sống tâm linh của người dân vùng Huế, và sự hoà nhập ấy đã được biểu hiện ở các kiến trúc đền chùa cũng như kiểu cách trang trí và trang hoàng tại đó. Đặc điểm này có thể thấy rõ nhất ở chùa Thiên Mụ.*

Trong bài văn bia do Chúa Nguyễn Phúc Chu ngự chế và được khắc dựng tại chùa này vào năm 1715, chúng ta hiện nay còn có thể đọc được 4 chữ rất quan trọng: "Cư Nho mộ Thích", nghĩa là sống theo đạo Nho và ưa chuộng đạo Phật. Đây là tư tưởng hầu như xuyên suốt triều đại các vua chúa nhà Nguyễn (1558 - 1945).

Lập chùa để thờ Phật và tu hành, nhưng các nhà sư khi xây chùa đều tuân thủ các nguyên tắc dịch lí và thuật phong thủy của nhà Nho. Quốc Sử Quán đã viết về địa cuộc của chùa Thiên Mụ như sau: "Giữa đồng bằng nổi lên một gò cao, như hình đầu rồng quay đầu lại, phía trước thì nhìn ra sông lớn, phía sau thì có hồ rộng, cảnh trí rất đẹp... Gò này rất thiêng... tụ khí thiêng cho bền long mạch..."<sup>(7)</sup>

Hiện nay, ở gần mặt sau của vòng la thành chùa này còn tồn tại hình tượng một con rùa khá lớn (dài hơn 2m, dày 0,70m), xây bằng gạch và vôi, trong tư thế đang bò xuống phía Bình Hồ ở gần đó, thuộc hướng bắc của chùa. Đã có khá nhiều giả thuyết mang tính huyền thoại nói về nó, nhưng các nhà nghiên cứu xưa nay chưa ai khẳng định được thời điểm xuất hiện của con rùa và đưa ra một lập luận có tính thuyết phục về chức

3. *Ô châu cận lục*; bản dịch của Bùi Lương, Văn hoá Á Châu xb, Sài Gòn, 1961, tr.75 - 76; bản dịch của Trịnh Khắc Mạnh và Nguyễn Văn Nguyên. Nxb KHXH, Hà Nội, 1997, phần nguyên bản chữ Hán, tr.289 - 290.

4. *Đại Nam nhất thống chí* (thời Duy Tân); nguyên bản chữ Hán, quyển đã dẫn, tờ 40b, bản dịch đã dẫn, tr. 80 - 81. Xem thêm: Đào Thái Hanh. *Histoire de la Déesse Kỳ Thạch Phu Nhơn*, *Bulletin des Amis du Vieux Huế*, 1915, tr.453 - 455.

5. Trần Văn Toàn. *Le Temple Huệ Nam à Huế*, *Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises*, Sài Gòn, số 3 - 4 năm 1969, tr. 243 - 276 và 5 trang ảnh.

6. Quốc sử quán Triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*; bản dịch của Viện Sử học. Tập XXXVI, Nxb KHXH, Hà Nội, 1977, tr.127.

7. *Đại Nam thực lục*, Bản dịch đã dẫn, tập I, tr.42.

năng của di tích này<sup>(8)</sup>

Theo thiên ý, con rùa ấy đã được xây đắp dưới thời các vua chúa nhà Nguyễn và dùng để giữ một vai trò phong thủy trong nghệ thuật kiến trúc cổ. Nó bắt nguồn từ khái niệm tứ tượng và thuyết Ngũ hành, liên quan đến việc thiết lập phương hướng thích hợp của một công trình kiến trúc. Để làm việc này, các nhà chiêm tinh Đông phương cổ đại đã chọn 28 vì sao chính trong bầu trời (Nhị thập bát tú) và chia đều thành 4 nhóm. Nhìn lên mỗi nhóm, họ tưởng tượng rất giống một loài động vật.

- Nhóm ở phương Đông trông giống con rồng đang bay, họ gọi đó là "Thanh Long" (vì phương Đông thuộc hành mộc, màu xanh).

- Nhóm ở phương Tây giống hình con cọp, họ gọi đó là "Bạch Hổ" (vì phương Tây thuộc hành kim, màu trắng).

- Nhóm ở phương Nam giống con chim sẻ đang bay, họ gọi là "Chu Tước" (vì phương Nam thuộc hành hỏa, màu đỏ) nghĩa là chim sẻ đỏ.

- Nhóm ở phương Bắc giống con rùa đang bò. Vì thân của nó có vảy nên gọi là vũ; và thuộc hành thủy, màu đen, nên gọi là "Huyền Vũ"<sup>(9)</sup>.

Như vậy, hình tượng con rùa hiện diện sau lưng chùa Thiên Mụ có lẽ đã được dùng để biểu thị rõ hơn cho yếu tố *huyền vũ* (rùa đen) trong hệ thống tứ tượng vừa nói.

Sự dung nạp tư tưởng Nho giáo vào nghệ thuật Phật giáo đã được biểu thị rõ nét nhất trong kết cấu kiến trúc và trang trí ở phần nóc của nội thất đình Hương Nguyên trong phạm vi chùa này. Đứng trong nhà nhìn lên, chúng ta thấy ở chính giữa nóc một bức chạm nổi khá lớn trang trí đồ hình thái cực, lưỡng nghi, tứ tượng, bát quái (là biểu tượng chính của Dịch lí) và chung quanh là đề tài bát bửu của đạo Nho (có pha đạo Lão). Trong khi đó, chính trên nóc của toà nhà này lại chấp hình bánh xe *chuyển pháp luân* của đạo Phật.

Sự dung hội nói trên cũng được thể hiện ở quả chuông Đại Hồng Chung nặng trên 2000kg, đúc năm 1710 dưới thời Chúa Nguyễn Phúc Chu. Thân chuông được phân ra thành nhiều dải theo chiều ngang để trang trí nổi nhiều loại hình ảnh khác nhau, trong đó có 4 dải mà mỗi dải mang đủ 8 đơn vị trang trí thuộc cùng một đề tài:

8 con rồng và phụng với từng cặp quay đầu vào nhau.

8 chữ *thọ* được cách điệu theo dạng chữ *lệ*.

8 dấu hiệu thuộc 8 quẻ trong bát quái.

8 hình ảnh thuộc hệ thống bát bửu của đạo Nho (cũng có một số yếu tố pha đạo Lão).

Phải chăng những con số 8 ấy cũng biểu hiện *bát chánh đạo* của Phật pháp?

Kiến trúc, trang hoàng và trang trí của các đền chùa ở Huế biểu hiện quan niệm *tam giáo đồng nguyên*. Ở một số đền chùa, biểu tượng của tôn giáo chính thống được thờ phụng bên cạnh biểu tượng của tín ngưỡng dân gian.

Mỗi chùa thường có 3 gian: Gian giữa thờ tượng Chư Phật và Bồ Tát. Gian bên trái thờ tượng Quan Thánh, với hai đệ tử Quan Bình và Châu Xương đứng hầu hai bên. Gian bên phải thờ tượng Thánh Mẫu Thiên Y A Na với các ngọc nữ hầu cận. Ở hai gian phụ này còn thờ tượng Thập Điện Minh Vương, Thập Bát La Hán...<sup>(10)</sup>

Ở điện Hòn Chén, ngoài Thánh Mẫu Thiên Y A Na và các đồ đệ của Mẫu, còn thờ tượng Phật Thích Ca Mâu Ni, đền thờ Quan Thánh, dinh Ngũ Hành Tiên Nương (Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ), động thờ

8. Hà Xuân Liêm. *Chùa Thiên Mụ*. Nxb Thuận Hoá, Huế, 1999, tr.33 - 41.

9. Vương Ngọc Đức. *Hương gió, mạch nước, thế đất trong nghệ thuật kiến trúc xây dựng nhà ở*; bản dịch của Kim Dao từ tiếng Trung Quốc. Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 1996, tr.210 - 214.

10. Nguyễn Hữu Thông, Trần Đại Vinh, Lê Văn Sách. *Danh lam xứ Huế*. Nxb Hội nhà văn, thành phố HCM, 1993, tr.29 - 30.

tượng Ông Hạ Ban (Ông Hồ)..., và còn cả ảnh của Vua Đồng Khánh nữa. Điều này thể hiện rõ nhất tính hỗn hợp trong tín ngưỡng của đại chúng.

Với quan niệm *tam giáo đồng nguyên*, triều đình Nhà Nguyễn đã cho xây dựng Linh Hựu quán ở trong Kinh Thành vào năm 1829. Theo lời mô tả cũng như tranh vẽ của Nội các thì đây là một công trình kiến trúc quy mô, bề thế<sup>11</sup>. Các tự điển chữ Hán đều định nghĩa quán là nơi thờ phụng và tu hành của các đạo sĩ. Họ vừa học đạo Phật, vừa học Đạo giáo. Linh Hựu quán không còn nữa, nhưng hậu thân của nó và sinh hoạt của Đạo giáo thì vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay tại địa chỉ 57 đường Nguyễn Chí Thanh, Huế.

Ở đền thờ Đức Thánh Trần tọa lạc tại địa chỉ 114 đường Phan Chu Trinh bên bờ nam sông An Cựu (Huế) hiện nay, chúng ta có thể thấy được 8 hình ảnh của *bát tiên* (8 vị tiên) được xây đắp ở một vị trí quan trọng nhất của ngôi đền. Theo người thủ từ cho biết, ngôi đền này đã được xây dựng một cách chính thức tại đây vào năm 1921 "để thờ Trần triều hiển thánh Hưng Đạo Vương". Ngoài những công trình kiến trúc và những pho tượng cũng như những hình ảnh trang trí liên quan đến sự nghiệp sáng ngời của danh tướng Trần Hưng Đạo (tức Trần Quốc Tuấn: 1226 - 1300), chủ nhân xưa của ngôi đền cổ này còn cho đắp 8 pho tượng biểu hiện đề tài *Bát tiên quá hải* trong truyền thuyết Đông phương. Tám vị tiên đứng ở mặt tiền bộ mái của điện thờ chính.

3. Các đền chùa ở Huế pha nét kiến trúc cung đình, đượm vẻ kiến trúc cảnh quan và mang phong cách sâu lắng của tâm hồn con người miền sông Hương núi Ngự.

Đại đa số các đền chùa miếu vũ ở vùng Huế đều đã được xây dựng dưới thời các chúa Nguyễn (1558 - 1775) và thời các vua Nguyễn (1802-1945). Chúng đã được thiết lập, tu bổ và tôn tạo với sự hỗ trợ rất tích

cực, đắc lực và có hiệu quả thiết thực của hoàng gia và triều đình. Họ đã lập ra một số *quốc tự* hoặc *quan tự* ở vùng này, như chùa Thiên Mục, chùa Thánh Duyên, chùa Giác Hoàng, quán Linh Hựu, chùa Diệu Đế. Sử sách và thực tế cho thấy rõ hàng chục ngôi chùa cổ khác đều là *chùa sắc tứ* (chùa làm do được sắc chỉ vua chúa ban cho), như chùa Thiên Lâm, chùa Quốc Ân, chùa Báo Quốc, chùa Từ Hiếu, v.v... Các loại tự liệu, minh văn và hình ảnh được thờ tại chỗ chứng minh nhiều đền chùa đã được các bà hoàng, ông hoàng, bà chúa, các đại thần, các bà mệnh phụ "công đức" (đầu tư tài chính) trong việc tạo tác, mở mang, tu sửa, phục chế, phục hồi. Cụ thể nhất là ở điện Hòn Chén, chùa Báo Quốc, chùa Trúc Lâm, chùa Đông Thuyền, chùa Phù Quang. Chẳng những trong Kinh Thành mà ngay trong Hoàng Thành Huế cũng có những công trình kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng được xây dựng rất sớm dưới Triều Nguyễn. Ngoài 5 miếu thờ các vua chúa nhà Nguyễn (Thái Miếu, Triệu Miếu, Hưng Miếu, Thế Miếu, Điện Phụng Tiên), còn có Phước Thọ Am, Khương Ninh Các (trong phạm vi Cung Diên Thọ) dùng để thờ Phật và các vị thánh; một ngôi miếu trong phạm vi Phủ Nội Vụ dùng để thờ các thiên thần. Do đó, phong cách kiến trúc của các đền chùa ở Huế ít nhiều được cung đình hoá.

Các công trình kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng ở Huế nói chung, các chùa chiền tại đây nói riêng, đều được thiết kế và xây dựng theo nghệ thuật kiến trúc cảnh quan,

11. Nội các Triều Nguyễn. *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, nguyên bản chữ Hán, quyển 123, tờ 5b - 7a; quyển 208, tờ 31b; bản dịch của Viện Sử học, Nxb Thuận Hoá, Huế, 1993, Tập VIII, tr.197 - 199; Tập XIII, tr.112 - 113. *Ngự đề danh thắng đồ hội thi tập*, nguyên bản chữ Hán của Hiến tổ Chương Hoàng đế, quyển 3, tờ 13a - 15b; *Thần kinh nhị thập cảnh thơ Vua Thiệu Trị* do Phan Thuận An, Phạm Đức Thành Dũng, Phan Thanh Hải, Nguyễn Phước Hải Trung biên soạn, Trung tâm Bảo tồn di tích cố đô Huế và Nxb Thuận Hoá, Huế, 1997, tr.181 - 188.

một đặc điểm chung của kiến trúc cố đô. Nhìn tổng quát, chúng ta không thấy có sự khác nhau mấy về quy hoạch mặt bằng và bố cục kiến trúc giữa một ngôi chùa và một ngôi nhà vườn cổ kính. Trong khuôn viên chùa, cũng như nhà vườn, cung điện vườn, lăng tẩm vườn, các công trình kiến trúc chính và phụ đều ẩn mình một cách khiêm tốn giữa không gian thiên nhiên mênh mông của núi rừng, cây cối, hoa cỏ. Kiến trúc chùa Huế thường được thiết lập theo chiều sâu của khuôn viên, biểu lộ tính triết lý uyên thâm của đạo pháp. Kiến trúc chùa Huế không có toà ngang dãy dọc to lớn và khuynh hướng vươn lên theo chiều cao như các nhà thờ Công giáo, ngoại trừ tháp Phước Duyên ở chùa Thiên Mụ cần soi bóng xuống mặt nước sông Hương. “Với ý thức như vậy nên chùa Huế vừa mang tư tưởng Phật đạo, vừa đậm ấm trữ tình...”<sup>(12)</sup>. Điện Huệ Nam bên bờ sông Hương, hoặc đền Vân Phong thờ Liễu Hạnh Công chúa năm 1944 ở vùng núi Tam Thai cũng ẩn mình trong những rừng cây u tịch như thế.

Huế đã là thủ phủ của Đàng Trong, rồi kinh đô của cả nước trong gần 400 năm, và là trung tâm Phật giáo Việt Nam trong một thời gian dài. Dù là vua chúa hay sư sãi, họ cũng mang tâm hồn của người dân xứ Huế. Địa bàn xứ Huế không rộng. Các công trình kiến trúc cung đình như thành quách, cung điện, lăng tẩm; các công trình kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng như chùa chiền, đền miếu; và các công trình kiến trúc cư trú của dân chúng đều nằm rất gần gũi nhau, đan xen

nhau. Và sinh hoạt tinh thần cũng như huyết thống của mọi người trong xã hội Huế đều có một mối quan hệ rất thân cận và mật thiết. Hầu hết họ đều là tín hữu của cùng một hệ thống tôn giáo và tín ngưỡng dung hợp với nhau. Do đó, nghệ thuật kiến trúc của tôn giáo, tín ngưỡng, cung đình và dân gian đã ảnh hưởng qua lại và mang một phong cách chung là điều dễ hiểu.

Không gian kiến trúc của đa số đền chùa ở Huế đều có sức hấp dẫn lòng người, kể cả người ngoại đạo. Không một du khách nội địa và quốc tế nào đến tham quan Huế mà không đi thăm viếng, hành hương hoặc chiêm ngưỡng một số cảnh đền chùa. Trong quy hoạch bảo tồn và phát triển đô thị Huế hiện nay, các kiến trúc sư đã có lí khi dùng từ *trục tâm linh* để xác lập không gian quy hoạch bảo tồn kiến trúc và thiên nhiên kể từ trung tâm thành phố lên phía tây nam, là nơi tọa lạc của rất nhiều chùa chiền, đền miếu và lăng tẩm. Vô hình trung, các công trình kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng ở Huế đã góp phần làm phong phú thêm cho diện mạo kiến trúc cảnh quan tuyệt vời của cố đô và nâng cao thêm giá trị của di sản văn hoá thế giới này, bao gồm cả di sản văn hoá vật thể lẫn di sản văn hoá phi vật thể ๐

---

12. Trần Lâm Biền. *Vài suy nghĩ tản mạn về chùa Huế*. Bài tham luận đọc trong cuộc *Toạ đàm bàn tròn* được tổ chức ở khách sạn Horizon ngày 8/4/1999 nhân tuần văn hóa Huế tại Hà Nội, bản đánh máy, tr.1-2.